

# Ảnh hưởng của quy mô hoạt động và chi phí hoạt động đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam

Trần Thanh Tâm<sup>1,\*</sup>, Lê Vũ Tường Vy<sup>2</sup>



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Hoạt động của ngân hàng là một hoạt động kinh tế quan trọng, trong những năm vừa qua đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Do đó, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần là một chủ đề cần được quan tâm, vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả trong việc cung cấp vốn cho các doanh nghiệp, cũng như sự ổn định và phát triển của thị trường tài chính. Việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại cổ phần sẽ giúp các nhà quản lý điều hành hoạt động của ngân hàng đạt hiệu quả cao hơn. Mục đích của nghiên cứu này là kiểm tra xem lợi nhuận của ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam có bị ảnh hưởng bởi quy mô hoạt động và chi phí hoạt động của ngân hàng hay không. Tất cả các ước tính tham số của mô hình hồi quy dựa trên các phân tích hồi quy bảng hiệu ứng tác động ngẫu nhiên REM. Dữ liệu của nghiên cứu bao gồm 28 ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam trong giai đoạn 2012-2019. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy lợi nhuận của ngân hàng bị tác động bởi đòn bẩy tài chính và đặc biệt hơn là đều tồn tại mối tương quan dương của quy mô hoạt động và cả chi phí hoạt động lên lợi nhuận của ngân hàng. Một thực tế rằng các ngân hàng có quy mô hoạt động càng lớn thì càng có lợi thế cạnh tranh khi có khả năng đa dạng hóa được danh mục tài sản, tập trung vào các mảng thu được lợi nhuận cao hơn, bỏ ra nguồn chi phí để đầu tư, nâng cấp chất lượng dịch vụ và cơ sở vật chất dẫn tới chi phí hoạt động tăng, từ đó rủi ro giảm đi và lợi nhuận tăng.

**Từ khóa:** Chi phí hoạt động, lợi nhuận, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản, ngân hàng thương mại cổ phần, quy mô hoạt động ngân hàng

<sup>1</sup>Trường Đại học Tài chính - Kế toán, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

## Liên hệ

**Trần Thanh Tâm**, Trường Đại học Tài chính - Kế toán, Việt Nam

Email: tranthanhtram@tckt.edu.vn

## Lịch sử

- Ngày nhận: 8/12/2020
- Ngày chấp nhận: 29/4/2021
- Ngày đăng: 08/5/2021

DOI: 10.32508/stdjelm.v5i2.733



## Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



## TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Ngân hàng, là một bộ phận quan trọng của ngành tài chính, là các tổ chức tài chính đóng vai trò là cơ chế chuyển tiền trong việc chuyển đổi tiền gửi thu được thành đầu tư sản xuất. Vì vậy, hiệu suất lợi nhuận của họ có tầm quan trọng rất lớn về hiệu quả và sự ổn định của hệ thống tài chính. Đáp ứng nhu cầu nguồn tài chính của các doanh nghiệp thực sự hoạt động trong các ngành sản xuất và dịch vụ, NH đã đảm nhận các trách nhiệm then chốt cả trong công nghiệp hóa các quốc gia và tăng trưởng kinh tế bền vững của các quốc gia. Đóng góp đáng kể vào hiệu quả của thị trường tiền và vốn, một hệ thống NH mạnh mẽ và sinh lợi giúp cho nền kinh tế chống lại các cú sốc kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, hậu quả tiêu cực của các hoạt động trung gian tài chính của ngành NH cũng có khả năng làm suy yếu sự ổn định của hệ thống tài chính, dẫn đến tăng trưởng kinh tế chậm, thất nghiệp và lạm phát cao (INF) và khủng hoảng tài chính theo định hướng NH. Tệ hơn có thể dẫn đến những cuộc khủng hoảng tài chính, điển hình là cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á năm 1997 khởi nguồn từ Thái Lan. Như vậy, sự hiểu

biết về các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của NH là rất quan trọng đối với sự ổn định của nền kinh tế. Bởi chúng ta biết chắc được rằng việc gia tăng lợi nhuận không chỉ giúp cho các nhà quản trị, ban quản lý NH tìm ra được hướng đi đúng đắn, chính sách phát triển hơn cho NH mà còn giúp cho các nhà đầu tư có thể xem xét lựa chọn để đầu tư vào cũng như NH Nhà nước ổn định hơn.

Hầu hết các mối quan hệ thực nghiệm hiện có giữa quy mô hoạt động và lợi nhuận đã tìm thấy Quy mô hoạt động có mối tương quan tích cực với lợi nhuận. Mối quan hệ tích cực này bắt nguồn từ việc thực hiện các chiến lược chuyên môn hóa và khác biệt hóa lớn hơn và do đó sẽ dẫn đến tính hiệu quả cao. Quy mô hoạt động đại diện cho một yếu tố phụ thuộc vào loại đặc điểm của một công ty<sup>1</sup>. Vấn đề lợi nhuận thành công của NH tiếp tục là một cuộc tranh luận không có hồi kết. Các yếu tố quyết định lợi nhuận NH đã được các học giả khác nhau phân loại thành các yếu tố vĩ mô và vĩ mô. Quy mô hoạt động như một yếu tố vĩ mô đã được coi là một yếu tố quan trọng quyết định lợi nhuận và lý do được đưa ra là một NH lớn giảm chi phí hoặc tăng vì tính kinh tế của quy mô hoạt động.

**Trích dẫn bài báo này:** Tâm T T, Vy L V T. Ảnh hưởng của quy mô hoạt động và chi phí hoạt động đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(2):1488-1498.

Mặc khác, ở Việt Nam, lợi nhuận của các NH trong những năm gần đây tiếp tục có những bước tiến khá tốt. Nó diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng của hệ thống trong thời gian gần đây vẫn chỉ tương đương các năm cũ. Do đó, khả năng sinh lời của hệ thống NH TMCP tại Việt Nam không còn dựa quá nhiều vào tăng trưởng tín dụng mà phụ thuộc nhiều hơn vào việc điều tiết chi phí hoạt động. Trong bối cảnh này, nghiên cứu này phân tích xem xét quy mô hoạt động và chi phí hoạt động của các NH TMCP Việt Nam có liên quan đến lợi nhuận của các NH hay không. Nghiên cứu này sẽ tập trung vào việc xác định ảnh hưởng của quy mô hoạt động và chi phí hoạt động đến lợi nhuận của các NH TMCP tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu về một nhân tố tác động tới lợi nhuận của NH thương mại như: Nguyễn Quỳnh Hương nghiên cứu về Mức độ tập trung sở hữu và lợi nhuận của các NH TMCP Việt Nam<sup>2</sup>, Nguyễn Thảo Uyên nghiên cứu về tác động của thanh khoản đến khả năng sinh lời của các NH TMCP Việt Nam<sup>3</sup>; Đặng Chí Tâm, tác động của cấu trúc vốn đến lợi nhuận của các NH thương mại Việt Nam<sup>4</sup>; Trần Huy Chương Tác động của thu nhập ngoài lãi đến lợi nhuận NH thương mại Việt Nam<sup>5</sup>; Bên cạnh đó cũng có nhiều nghiên về một nhân tố tác động tới lợi nhuận: Ngô Thị Thu Hương Những yếu tố nội tại tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các NH TMCP niêm yết Việt Nam<sup>6</sup>; Đoàn Thị Thu Hà, Phân tích các yếu tố tác động đến lợi nhuận của các NH thương mại Việt Nam<sup>7</sup>; Nguyễn Thị Liễu (2018) Các yếu tố đặc điểm NH, đặc điểm ngành, kinh tế vĩ mô tác động đến lợi nhuận NH thương mại Việt Nam<sup>8</sup>.... Một số nghiên cứu tại nước ngoài về quy mô hoạt động NH tác động đến lợi nhuận của NH: İskenderoğlu et al. là lần đầu tiên khám phá mối liên hệ giữa quy mô và các biến số tăng trưởng và lợi nhuận của các NH niêm yết của Thổ Nhĩ Kỳ<sup>9</sup>, tiếp đó Ozcan Isik, S. Merve Kosaroglu, Ayhan Demirci cũng lặp lại nghiên cứu tác động của quy mô hoạt động và tăng trưởng đến lợi nhuận của các NH Thổ Nhĩ Kỳ<sup>10</sup>, Alice Gatete ảnh hưởng của quy mô NH đến lợi nhuận của NH thương mại tại Kenya<sup>11</sup> ...

Trong bối cảnh Việt Nam, nghiên cứu của nhóm tác giả là nghiên cứu dẫn đầu phân tích vấn đề này trong giai đoạn 2012-2019, sau hậu khủng hoảng từ năm 1997. Đã có một số nghiên cứu về nhân tố quy mô hoạt động tác động đến lợi nhuận của các NH thương mại tại nước ngoài cho nên việc nghiên cứu vấn đề đó tại Việt Nam sẽ là điều cần thiết.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## Lợi nhuận

Lợi nhuận (trước thuế) của NHTMCP, cũng giống như các loại hình NH khác, là khoản chênh lệch được xác định giữa tổng doanh thu trừ đi tổng các khoản chi phí phù hợp trong năm tài chính. Có nhiều cách khác nhau để đo lường lợi nhuận của NH, trong đó các chỉ số tài chính là những chỉ tiêu được sử dụng phổ biến nhất để xác định lợi nhuận. Các nghiên cứu trước đây cho rằng những chỉ số tài chính là chỉ tiêu hoàn hảo để các nhà kinh tế học phân tích về lợi nhuận của NH. Các chỉ số tài chính này cho phép phân tích và giải thích những số liệu tài chính của NH, giúp chúng ta hiểu sâu hơn về tình hình tài chính của NH, từ đó đánh giá các hoạt động NH và đưa ra biện pháp. Ngoài ra, các chỉ số ấy cho phép chúng ta so sánh giữa các NH có quy mô hoạt động khác nhau, để đánh giá hiệu quả của từng NH một trong trong thể ngành NH. Từ các công trình nghiên cứu trước, lợi nhuận của NH đã được đo lường bằng nhiều tỷ lệ như: lợi nhuận trên tài sản bình quân ROA<sup>12, 13</sup>, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân<sup>14</sup> và tỷ lệ lãi ròng<sup>15</sup>.

Lợi nhuận NH được giải thích bởi cả hai yếu tố quyết định bên trong và bên ngoài. Tuy nhiên, các yếu tố khác nhau giữa các NH vì sự khác biệt trong các quyết định và hoạt động của cổ đông và quản lý. Các nghiên cứu trước đây cho thấy quy mô vốn, quy mô nợ phải trả, quy mô và thành phần của danh mục tín dụng NH, chính sách lãi suất, rủi ro, chất lượng quản lý, năng suất lao động, quy mô hoạt động NH, tuổi NH, quyền sở hữu, tập trung sở hữu và liên kết cơ cấu giữa những người khác.... ảnh hưởng đến lợi nhuận NH. ROA là chỉ tiêu tài chính toàn diện để đo lường hiệu quả sinh lời của các NH. Theo Khaled Mahmud, Avijit Mallik và Md. Farhan Imtiaz<sup>13</sup>, Flamini et al,<sup>16</sup> thì ROA được tính bằng công thức lợi nhuận sau thuế trên cho tổng tài sản bình quân. ROA phản ánh hiệu quả kinh doanh của một đồng tài sản có tại NH sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận, do vậy ROA có thể được sử dụng để chỉ ra hiệu quả của quản lý NH trong việc chuyển đổi tài sản thành doanh thu. ROA cao đồng nghĩa rằng ban quản trị NH đang hoạt động có hiệu quả trong việc tối đa hóa lợi nhuận từ tài sản. Chính vì những lý do đó mà chỉ tiêu này được xem là thước đo quan trọng và tốt nhất để đo lường lợi nhuận của NH.

## Quy mô hoạt động ngân hàng và mối quan hệ với lợi nhuận ngân hàng

### Quy mô hoạt động ngân hàng

Quy mô hoạt động của một doanh nghiệp có nghĩa là khả năng mà nó sở hữu và sử dụng, và số lượng khả

năng sản xuất hoặc số lượng và tính đa dạng của dịch vụ mà doanh nghiệp có thể được cung cấp đồng thời cho khách hàng của mình. Nói một cách đơn giản hơn, dấu hiệu tốt nhất về "kích thước lớn" của một công ty là quy mô của nhóm quản lý hoặc số lượng tài sản mà nó sở hữu so với các công ty khác trong cùng ngành<sup>17</sup>. Quy mô công ty là tốc độ và mức độ tăng trưởng lý tưởng cho một doanh nghiệp cụ thể. Quy mô hoạt động NH thường được sử dụng để kiểm tra các nền kinh tế hoặc quy mô kinh tế trong lĩnh vực NH. Một NH lớn giảm chi phí vì tính kinh tế của quy mô và phạm vi. Kích thước thường được đo bằng tổng doanh thu hoặc tổng giá trị tài sản, logarit của tổng tài sản, số lượng nhân viên và doanh thu bán hàng. Tăng trưởng về quy mô của một công ty có thể là về doanh thu, lợi nhuận, tài sản hoặc số lượng nhân viên, tất cả đều cần thiết để tăng sức khỏe tài chính và lợi nhuận. Một nghiên cứu của Omondi và Muturi<sup>18</sup>, cho thấy các công ty nên mở rộng một cách có kiểm soát với mục đích đạt được quy mô tối ưu để tận hưởng nền kinh tế có quy mô có thể mang lại mức lợi nhuận cao hơn. Tuy nhiên, các công ty trở nên đặc biệt lớn, ảnh hưởng của quy mô có thể là tiêu cực do một số lý do ví dụ quan liêu<sup>19</sup>.

### **Mối quan hệ giữa quy mô hoạt động ngân hàng với lợi nhuận ngân hàng**

Quy mô hoạt động doanh nghiệp đã được coi là một yếu tố quan trọng quyết định lợi nhuận của công ty. Các công ty lớn hơn được cho là có thể sản xuất hàng hóa rẻ hơn so với các công ty nhỏ. Điều này là do trước đây đã đạt được nhiều học tập hơn, kinh nghiệm tích lũy lớn hơn và họ có thể phân bổ chi phí cố định của họ trên một lượng sản xuất lớn hơn<sup>1</sup>.

Trong các tài liệu hiện có, quy mô hoạt động đã được coi là một biến số cơ bản trong việc giải thích lợi nhuận của công ty và một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa hai kết luận này rằng tác động của quy mô đến lợi nhuận có thể là tiêu cực hoặc tích cực. Kết quả của Mule, Mukras và Nzioka<sup>20</sup>, chỉ ra rằng có một mối quan hệ đáng kể tích cực giữa quy mô doanh nghiệp và lợi nhuận, nghĩa là lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, ngụ ý rằng một sự thay đổi đơn vị trong quy mô doanh nghiệp dẫn đến tăng lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của các công ty. Redmond et al.<sup>21</sup> đã nghiên cứu về ảnh hưởng của quy mô NH đến lợi nhuận. Họ được phân loại NH thành 5 loại theo quy mô tài sản của họ, tỷ lệ ROE được sử dụng làm thước đo lợi nhuận và nhận thấy rằng, có một mối quan hệ đáng kể tiêu cực giữa lợi nhuận và khối lượng tài sản. Spathis<sup>22</sup> đã thử nghiệm thị trường tài chính thông qua một nghiên cứu được thực hiện để điều tra các NH Hy Lạp,

nghiên cứu của ông tập trung vào hiệu ứng quy mô tài sản NH, mục đích nghiên cứu của ông là điều tra tính hiệu quả của các NH Hy Lạp lớn và nhỏ thông qua điều tra (ROE) như một thước đo lợi nhuận và mối quan hệ của nó với một số phân loại các yếu tố như khối lượng tài sản, thanh khoản và rủi ro. Dữ liệu từ năm 1990 đến năm 1999 đã được sử dụng để khám phá các yếu tố thành công của các NH này, kết quả nghiên cứu đã chứng minh rằng, các NH lớn hiệu quả hơn các NH nhỏ; các NH nhỏ được đặc trưng bởi năng suất vốn cao (ROE) trong khi các NH lớn được đặc trưng bởi năng suất tài sản cao (ROA). Gần đây, một số nỗ lực dường như cũng bao gồm hiệu quả của các tổ chức tài chính ở các nước đang phát triển. Halkos và Salamouris<sup>23</sup> đã nghiên cứu ảnh hưởng của tài sản ngắn hạn đến hiệu quả của quy mô, họ kết luận từ nghiên cứu của họ về các NH Hy Lạp rằng, tài sản ngắn hạn càng cao thì hiệu quả càng cao. Kết quả tương tự đã được tìm thấy trong các lĩnh vực NH châu Âu thông qua một nghiên cứu về Bikker<sup>24</sup>. Ngược lại, một số tác giả cho rằng quy mô có thể không có hoặc có tác động tiêu cực đến lợi nhuận. Shepherd<sup>25</sup> phát hiện ra rằng sự tăng trưởng về quy mô gây ra tính không kinh tế về quy mô, Darrat & Yousif<sup>26</sup>, Hassan & Bashir<sup>27</sup> họ tìm thấy mối quan hệ tiêu cực giữa quy mô và lợi nhuận NH. Trong khi đó, Haron<sup>28</sup>, Niresh và Velnampy<sup>29</sup>, đã chứng minh rằng, quy mô không có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của NH được đo bằng ROA.

Nghiên cứu này nhằm xác định xem việc tăng hay giảm quy mô tài sản của các NH TMCP tại Việt Nam có ảnh hưởng gì đến lợi nhuận của NH hay không.

Giả thiết nghiên cứu

H1: quy mô hoạt động NH có thể tác động tới lợi nhuận của các NH TMCP.

### **Chi phí hoạt động và mối quan hệ với lợi nhuận ngân hàng**

Quản lý chi phí kém là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận kém<sup>30</sup>. Trong các tài liệu về hiệu suất NH, hiệu quả chi phí hoạt động thường được sử dụng để đánh giá hiệu quả quản lý trong NH. Mathuva<sup>31</sup> nhận thấy rằng chi phí hoạt động của các NH địa phương cao khi so sánh với các quốc gia khác và do đó cần có các NH địa phương để giảm chi phí hoạt động để cạnh tranh trên toàn cầu. Beck và Fuchs<sup>32</sup> đã kiểm tra các yếu tố khác nhau góp phần tạo ra lợi ích cao trong các NH Kenya. Chi phí hoạt động được phát hiện là một trong những thành phần quan trọng nhất của chênh lệch lãi suất cao. Một phân tích về các chi phí cho thấy rằng họ bị chi phối bởi CP lương nhân viên tương đối cao hơn so với các NH khác ở các nước SSA.

Mặc dù mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đơn giản ngụ ý rằng chi phí cao hơn có nghĩa là lợi nhuận thấp hơn và ngược lại, điều này có thể không phải luôn luôn như vậy. Lý do là số lượng chi phí cao hơn có thể liên quan đến khối lượng hoạt động NH cao hơn và do đó doanh thu cao hơn. Trong các thị trường tương đối không cạnh tranh, nơi các NH được hưởng sức mạnh thị trường, chi phí được chuyển cho khách hàng; do đó sẽ có một mối tương quan tích cực giữa chi phí và lợi nhuận cao<sup>33</sup>. Neceur<sup>34</sup> đã tìm thấy tác động tích cực và đáng kể của chi phí vượt trội đến lợi nhuận cho thấy chi phí đó được chuyển cho người gửi tiền và người cho vay về tỷ lệ tiền gửi thấp hơn/ hoặc lãi suất cho vay cao hơn.

Giả thiết nghiên cứu

H2: Tỷ lệ chi phí hoạt động có thể tác động tới lợi nhuận của các NH TMCP.

### Mối quan hệ giữa quy mô hoạt động và chi phí hoạt động của ngân hàng

Shrimal Perera<sup>35</sup>, chỉ ra rằng các NH có tài sản lớn hơn tiết kiệm chi phí hơn. Phát hiện này phù hợp với lập luận rằng quy mô hoạt động lớn cho phép thâm nhập thị trường rộng hơn và tăng doanh thu với chi phí tương đối ít hơn. Hơn nữa, các NH lớn hơn có thể lựa chọn hoạt động với tỷ suất lợi nhuận thấp hơn trong khi tập trung vào khối lượng kinh doanh để tạo ra nhiều lợi nhuận hơn, do đó tăng hiệu quả<sup>36</sup>. Theo quan điểm của Flamini et al<sup>33</sup> cho thấy mối tương quan tích cực giữa chi phí hoạt động và lợi nhuận của NH.

Tác động của các quy mô hoạt động và chi phí hoạt động đối với lợi nhuận của các NH thương mại không xảy ra trong nếu nó ra rời các yếu tố khác. Có một số yếu tố chịu trách nhiệm cho sự tồn tại của chúng. Phần dưới đây trình bày một cái nhìn ngắn gọn về các yếu tố này. Đối với mục đích của nghiên cứu này, xem xét các yếu tố đặc thù của ngành NH.

### Các yếu tố đặc thù ngành ngân hàng ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng

#### Quy mô hoạt động ngân hàng (SIZE)

Khi xét đến quy mô, cụ thể là quy mô của từng NH thì chính là xét đến tổng tài sản trong hệ thống NH đó. Quy mô tài sản và chất lượng tài sản là yếu tố quan trọng trong lợi nhuận của NH, quyết định đến quá trình vận động và phát triển của các NHTMCP. Có thể thấy rõ ràng rằng với quy mô tài sản lớn, các NH có tiềm lực mạnh mẽ hơn cả về tài chính và nhân lực nên có khả năng đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng và phi tín dụng cung cấp cho khách hàng. Chính vì thế khả năng tạo ra lợi

nhuận từ hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của các NH này là tương đối cao. Đồng thời, về lâu về dài, khả năng phá sản của họ là rất nhỏ so với các NH có quy mô nhỏ hơn.<sup>37</sup>

Công thức tính quy mô hoạt động NH của Ong Tze San và Teh Boon Heng<sup>37</sup> bằng logarit tự nhiên của tổng tài sản để giảm bớt sự chênh lệch giữa tổng tài sản của nhóm NH lớn và nhỏ:

**Quy mô hoạt động ngân hàng = Logarit của tổng tài sản bình quân (1)**

#### Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng (CRR)

Dự phòng rủi ro tín dụng là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của tổ chức tín dụng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Các tổ chức tín dụng, NH căn cứ vào các tiêu chuẩn định tính và định lượng để đánh giá mức độ rủi ro của các khoản vay và các cam kết ngoại bảng, trên cơ sở đó phân loại các khoản nợ vào các nhóm nợ thích hợp và sau đó thực hiện trích lập dự phòng theo tỉ lệ trích lập được quy định. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của các tổ chức tín dụng để dự phòng cho những tổn thất đối với các khoản tín dụng của NH, điều gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của NH TMCP<sup>38</sup>.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng được đo lường bằng công thức khoản chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trên cho tổng tài sản bình quân. Theo nghiên cứu cho thấy tỉ lệ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng tài sản bình quân của NH càng cao thì hiệu quả sử dụng vốn của NH lại càng thấp. Theo Tarawneh<sup>38</sup> thì có mối quan hệ của tỉ lệ dự phòng rủi ro tín dụng và lợi nhuận của NH TMCP là tương quan âm.

**Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng = (Dự phòng rủi ro tín dụng)/(Tổng tài sản bình quân) (2)**

#### Chất lượng tài sản (AQ)

Rõ ràng, chất lượng tài sản của NH phản ánh một thực tế rằng các NH lớn hơn sẽ khai thác các giao dịch hiệu quả hơn, có được “tài sản” có chất lượng tốt hơn và có khả năng tạo ra lợi nhuận cao hơn. Chất lượng tài sản NH được đo lường bằng số nợ xấu trên cho tổng số cho vay, hay gọi cách khác là tỷ lệ nợ xấu. Tỷ lệ này càng cao thì càng ảnh hưởng tiêu cực đối với lợi nhuận của NH. Nếu tài sản có chất lượng kém, điều đó có nghĩa rằng NH phải đối mặt với khoản nợ xấu lớn, vì vậy mà rủi ro vỡ nợ sẽ cao hơn, đồng thời doanh thu và lợi nhuận sẽ giảm trong điều kiện các khoản chi phí tăng<sup>39</sup>. Và tất nhiên điều đó dẫn đến sự giảm sút về lợi nhuận của NH. Theo Boudriga, Taktak và Jellouli<sup>39</sup> chất lượng tài sản được tính như sau:

**Chất lượng tài sản = (Nợ xấu bình quân)/(Tổng số tiền cho vay bình quân) (3)**

### Đòn bẩy tài chính

Trong thuật ngữ kinh doanh, đòn bẩy tài chính được hiểu đơn giản là sử dụng tiền đi vay của người khác, tức là nợ để hoạt động với mục đích đem lại lợi nhuận cho mình. Trong giới NH, các chủ NH sử dụng nguồn nợ để hoạt động và tạo ra lợi nhuận cho mình. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính cũng được ví như sử dụng một con dao hai lưỡi, điều đó bắt buộc các NH TMCP phải vận dụng tốt thì mới mang lại hiệu quả cao, ngược lại, nếu không thực sự biết cách khai thác đòn bẩy tài chính thì NH sẽ gây nên những hậu quả khó lường. Sử dụng đòn bẩy tài chính đó là việc kết hợp giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trong vận hành chính sách tài chính của NH, khi đòn bẩy tài chính lớn, tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với nợ phải trả của các NH sẽ nhỏ và ngược lại.

Đòn bẩy tài chính được đo lường bằng tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu. Đòn bẩy tài chính càng cao thì rủi ro thanh khoản càng cao vì các chủ nợ có thể yêu cầu các NH hoàn vốn với tỷ lệ cao hơn. Khi rủi ro thanh khoản cao, điều này đồng nghĩa rằng lợi nhuận sẽ giảm và các NH sẽ cân nhắc đến việc điều chỉnh giữa nợ và vốn để tối đa hóa hiệu quả của đòn bẩy tài chính. Theo Barnhill, T.M, Papapanagiotou, J.P. & Schumacher, L.<sup>40</sup>

**Đòn bẩy tài chính = (Nợ phải trả bình quân)/(Vốn chủ sở hữu bình quân) (4)**

### Tỷ lệ thanh khoản (LR)

Tính thanh khoản là thuật ngữ dùng để chỉ khả năng chuyển đổi thành tiền mặt của một tài sản. Cũng như vậy, tỉ lệ thanh khoản là chỉ số kinh tế hữu ích để đo lường năng lực tài chính của các DN và cá nhân trong việc đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán sắp đến hạn mà không gặp khó khăn. Như ta đã biết, NH phải giữ đủ tài sản lưu động có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt nhằm tránh sự thiếu hụt về thanh toán. Thanh khoản NH được thể hiện bằng tài sản lưu động, ở đây là tiền và các khoản tương đương tiền. Tỷ lệ thanh khoản chính là chỉ số tiền và các khoản tương đương tiền trên tổng tài sản. Tỷ lệ này càng cao cho thấy khả năng của NH để đáp ứng các nghĩa vụ hiện tại của mình càng lớn. Đồng ý rằng tỷ lệ thanh khoản cao thì NH có tính thanh khoản cao nhưng thay vào đó NH có thể mất các hoạt động đầu tư sinh lời bằng nguồn tài sản lưu động ấy và có thể dẫn đến LN thấp hơn<sup>13</sup>. Do đó, có khả năng rằng tỷ lệ thanh khoản sẽ tác động ngược chiều lên LN của NH. Có rất nhiều cách tính tỷ lệ thanh khoản nhưng trong nghiên cứu này, nhóm tác giả lựa chọn theo hướng của Khaled Mahmud cùng với Avijit Mallik và Md. Farhan Imtiaz<sup>13</sup>:

**Tỷ lệ thanh khoản = (Tiền và tương đương tiền bình quân)/(Tổng tài sản bình quân) (5)**

### Tỷ lệ chi phí hoạt động (OER)

Như đã trình bày ở trên, chi phí hoạt động của NH bao gồm tất cả những khoản chi phí phục vụ cho hoạt động của NH như: chi trả lãi gửi tiết kiệm, chi trả lãi tiền vay, chi trả lãi phát hành trái phiếu, chi nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và đối ngoại, các loại lệ phí hoa hồng và nghiệp vụ ủy nhiệm,... Tobias Olweny and Themba Mamba Shipho<sup>41</sup>, thì tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ giữa tổng chi phí hoạt động và tổng tài sản bình quân của NH. Nhìn chung, chi phí càng tăng thì lợi nhuận càng giảm và ngược lại trong điều kiện doanh thu của NH không đổi. Một NH TMCP được gọi là có hiệu quả khi biết cách sử dụng chi phí hoạt động tiết kiệm, nhờ đó mà lợi nhuận sẽ cao hơn. Tuy nhiên, trong thực tế điều này chưa hoàn toàn đúng. Đôi khi, một NH chi tiêu nhiều hơn cho các hoạt động của NH, ví dụ như nâng cao chất lượng dịch vụ, cho cho đầu tư, chế độ đãi ngộ nhân viên tốt hơn... thì sẽ dẫn tới doanh thu cao hơn, từ đó làm tăng lợi nhuận.

**Tỷ lệ chi phí hoạt động = (Tổng chi phí hoạt động)/(Tổng tài sản bình quân) (6)**

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Mẫu và dữ liệu nghiên cứu

Theo Tabachnick và Fidell<sup>42</sup> cho tham khảo về kích thước mẫu dự kiến. Đối với phân tích hồi quy đa biến: cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được thỏa mãn công thức  $n=50+8*m$  (m là số biến độc lập). Mô hình có 6 biến độc lập nên cỡ mẫu tối thiểu là  $n = 98$  số quan sát. Bài nghiên cứu với số quan sát là 224 cho 28 NH TMCP trong 8 năm từ 2012-2019 đã thỏa mãn được mức quan sát tối thiểu, đảm bảo được kích cỡ mẫu đủ tốt, đại diện cho tổng thể. Về chất lượng của mẫu, để có được nguồn dữ liệu đáng tin cậy, nhóm tác giả chỉ thu thập số liệu của các NH TMCP đã được kiểm toán và có dữ liệu liên tục từ năm 2012 - 2019. Đây là giai đoạn mà các báo cáo được công bố một cách tương đối đầy đủ về số lượng.

Với mẫu quan sát 28 NH thương mại (xem phụ lục) trong giai đoạn 2012 - 2019 đã tạo nên dữ liệu bảng. Dữ liệu bảng cung cấp nhiều thông tin hơn, cho phép chúng ta xác định và đo lường tác động mà những tác động này không thể được xác định và đo lường khi sử dụng dữ liệu chéo hoặc dữ liệu ít thời gian, ít có sự đa cộng tuyến giữa các biến số và hiệu quả hơn. Các số liệu thu thập được nhập vào phần mềm excel và phần mềm Stata 14 để tổng hợp và sử dụng các mô hình kinh tế lượng để đo lường tác động của các nhân tố đến lợi nhuận của NH.

### Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được dùng trong bài nghiên cứu là phương pháp định lượng, sử dụng kỹ thuật hồi quy để phân tích tác động của 6 biến độc lập đến lợi nhuận (thông qua việc đo lường ROA) của các NH TMCP Việt Nam trong giai đoạn 2012-2019.

Đồng thời, bài nghiên cứu chạy hồi quy với hai hiệu ứng: hiệu ứng tác động cố định – FEM (Fixed Effects Model) và hiệu ứng tác động ngẫu nhiên REM (Random Effects Model). Bên cạnh đó, bài nghiên cứu còn sử dụng kiểm định Hausman – test để kiểm tra xem mô hình với hiệu ứng FEM và REM là phù hợp trong nghiên cứu này.

Từ đó mô hình hồi quy xác định các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của các NH thương mại được xây dựng như sau:

$$ROA_{it} = \beta_0 + \beta_1 SIZE_{it} + \beta_2 LR_{it} + \beta_3 AQ_{it} + \beta_4 GR_{it} + \beta_5 OER_{it} + \beta_6 CRR_{it} + \varepsilon_{it} (*)$$

#### Biến phụ thuộc:

-  $ROA_{it}$ : tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của NH (i) tại thời điểm (t)

#### Biến độc lập:

-  $SIZE_{it}$ : quy mô hoạt động của NH (i) tại thời điểm (t)

-  $LR_{it}$ : tỷ lệ thanh khoản của NH (i) tại thời điểm (t)

-  $AQ_{it}$ : chất lượng tài sản của NH (i) tại thời điểm (t)

-  $GR_{it}$ : đòn bẩy tài chính của NH (i) tại thời điểm (t)

-  $OER_{it}$ : tỷ lệ chi phí hoạt động của NH (i) tại thời điểm (t)

-  $CRR_{it}$ : tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng của NH (i) tại thời điểm (t)

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### Thống kê mô tả

Sau khi thu thập và tính toán dữ liệu, kết quả trình bày theo thống kê mô tả trong Bảng 1. Kết quả chỉ ra phạm vi, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các biến sử dụng trong nghiên cứu.

Bảng 1 cho thấy: Giá trị trung bình của ROA của toàn bộ 28 NH trong mẫu nghiên cứu là 0.78% với độ lệch chuẩn 0.58%, ROA đạt giá trị thấp nhất là 0.0087454% (NH Bản Việt năm 2016) và cao nhất là 2.92% (NH Kỹ thương năm 2019). Như vậy, nhận thấy có sự chênh lệch rất lớn về tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), giữa các giai đoạn của cùng một NH và giữa các NH với nhau.

### Kiểm định tương quan biến và đa cộng tuyến

Dựa vào bảng phân tích tương quan (Bảng 2) ta thấy: Không có hiện tượng tự tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu do các hệ số tương

quan có giá trị thấp, chuẩn so sánh theo Farrar & Glauber<sup>43</sup> là 0.8. Dựa vào phân tích ở Bảng 3 ta thấy giá trị VIF <2, thường thì nếu VIF <2 thì kết luận là không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Tuy nhiên thực tế, nếu VIF <10 thì ta vẫn có thể chấp nhận được, kết luận là không có hiện tượng đa cộng tuyến<sup>44</sup>.

### Kết quả ước lượng và kiểm định mô hình hồi quy của ROA

Sau khi chạy hồi quy với hai hiệu ứng: hiệu ứng tác động cố định – FEM (và hiệu ứng tác động ngẫu nhiên REM, tác giả sử dụng kiểm định Hausman – test để kiểm tra xem mô hình với hiệu ứng FEM và REM. Kết quả cho thấy Mô hình REM là phù hợp. Do đó, kết quả hồi quy sẽ thảo luận trên cơ sở mô hình ngẫu nhiên REM. Tiếp theo đó, thông qua Kết quả kiểm định tác giả nhận thấy có phương sai sai số thay đổi của mô hình hồi quy REM, và dùng kiểm định Wooldridge xảy ra hiện tượng tự tương quan. Như vậy, mô hình hồi quy ở trên có phương sai sai số thay đổi và tương tự tương quan. Để khắc phục hiện tượng khuyết tật mô hình tự tương quan, phương sai sai số thay đổi thì được giải quyết qua mô hình hiệu chỉnh sai số (robust)<sup>45</sup>.

### Kết quả hồi quy

Như vậy, theo kết quả nghiên cứu ở Bảng 4 thì trong giai đoạn từ năm 2012 - 2019 các nhân tố tác động đến lợi nhuận cụ thể như sau:

Biến SIZE có tác động cùng chiều với lợi nhuận và có ý nghĩa thống kê mức 1% trong mô hình hồi quy của ROA.

Biến GR có tác động ngược chiều với ROA và có ý nghĩa thống kê mức 5% trong mô hình hồi quy của ROA

Biến OER có tác động cùng chiều với lợi nhuận và có ý nghĩa thống kê mức 1% trong mô hình hồi quy của ROA

Biến AQ, LR và CRR không có tác động tới ROA.

Theo kết quả hồi quy, phương trình (\*) được viết lại như sau:

$$ROA_{it} = -4,772987 + 0,2796016 SIZE_{it} - 0,1051654LR_{it} - 0,0012624 GR_{it} + 0,6616013 OER_{it} + 0,057714 CRR_{it} - 0,005611 AQ_{it} + \varepsilon_{it}$$

### Thảo luận kết quả nghiên cứu

#### Quy mô hoạt động ngân hàng

Quy mô hoạt động NH có mối tương quan dương với tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 1% trong mô hình. Mối tương quan này cho thấy khi các NH TMCP Việt Nam

**Bảng 1: Thống kê mô tả các biến trong mô hình**

Variable	Obs	Mean	Std. Dev.	Min	Max
ROA	224	0.72862	0.584513	0.008745	2.902335
SIZE	224	8.017208	0.481531	7.110796	9.146615
GR	224	15.36885	16.18773	1.980071	87.92596
AQ	224	3.013387	3.869951	0.245982	30.64492
LR	224	1.016486	0.759077	0.264256	5.796916
OER	224	1.779578	0.567028	0.558579	4.028323
CRR	224	0.732312	0.615865	0.003952	4.038068

(Nguồn: Truy xuất từ phần mềm Stata)

**Bảng 2: Kiểm định mối tương quan**

	ROA	SIZE	GR	AQ	LR	OER	CRR
ROA	1						
SIZE	0.2352	1					
GR	-0.2024	0.3166	1				
AQ	-0.1138	-0.0195	0.4815	1			
LR	-0.034	0.0834	-0.0507	-0.0712	1		
OER	0.4872	-0.1584	-0.2869	-0.1145	0.1751	1	
CRR	0.2978	0.1758	-0.0435	0.0203	-0.051	0.4285	1

(Nguồn: Truy xuất từ phần mềm Stata)

**Bảng 3: Kiểm định đa cộng tuyến**

Variable	VIF	1/VIF
GR	1.59	0.627286
OER	1.48	0.677549
CRR	1.38	0.7245
AQ	1.37	0.727971
SIZE	1.29	0.774189
LR	1.08	0.924047
Mean VIF		1.37

(Nguồn: Truy xuất từ phần mềm Stata)

càng mở rộng, gia tăng lượng tài sản, phát triển về quy mô hoạt động thì ROA càng tăng. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với giả thuyết đã đặt ra và phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Khaled Mahmud, Avijit Mallik và Md. Farhan Imtiaz<sup>13</sup>. Mức ảnh hưởng của biến này có tác động cùng chiều với lợi nhuận, nên các NH cần tăng vốn để mở rộng quy mô hoạt động hiện tại của mình kết hợp với việc quản lý CP tốt. Ngoài ra, các NH TMCP ở Việt Nam cũng nên đầu tư phát triển theo chiều sâu và cung cấp các loại hình dịch vụ NH mới, trong đó có các dịch vụ theo hướng công nghệ

tiến bộ.

### **Đòn bẩy tài chính**

Đòn bẩy tài chính là tỷ lệ giữa nợ phải trả trên cho vốn chủ sở hữu, có ý nghĩa thống kê ở mức 5% đối với mô hình hồi quy của. Kết quả cho thấy GR có tác động tiêu cực đối với lợi nhuận (thông qua ROA). Đòn bẩy tài chính giống như “con dao hai lưỡi”, vừa ảnh hưởng tiêu cực nhưng cũng vừa ảnh hưởng tích cực lên lợi nhuận. Nếu NH sử dụng nguồn vốn vay hợp lý, lợi nhuận của

**Bảng 4: Kết quả hồi quy ROA sau khi sửa các khuyết tật của mô hình**

Robust						
	Coef.	Std. Err.	z	P>z	[95% Conf.	Interval]
ROA						
SIZE	0.5693103	0.1633695	3.48	0.000	0.249112	0.8895087
GR	-0.0071947	0.003065	-2.35	0.019	-0.013202	-0.0011875
AQ	0.005945	0.0102548	0.58	0.562	-0.014154	0.0260441
LR	-0.0978752	0.0686973	-1.42	0.154	-0.2325195	0.0367692
OER	0.677076	0.0914623	7.40	0.000	0.4978132	0.8563388
CRR	-0.1030064	0.0785335	-1.31	0.190	-0.2569292	0.0509165
_cons	-4.772987	1.248048	-3.82	0.000	-7.219116	-2.326858
sigma_u	0.27111984	(fraction of variance due to u_i)				
sigma_e	0.38407865					
rho	0.33257252					

(Nguồn: Truy xuất từ phần mềm Stata)

NH sẽ có xu hướng tăng nhanh. Ngược lại, nguồn vốn này không được sử dụng một cách hiệu quả thì sẽ kéo theo sự giảm sút về lợi nhuận của các NH.

### Tỷ lệ chi phí hoạt động

OER có ý nghĩa thống kê ở mức 1% ở mô hình hồi quy của ROA. Điều này có nghĩa là đối với toàn bộ mẫu nghiên cứu thì lợi nhuận của các NH TMCP ở Việt Nam giai đoạn 2012 – 2019 sẽ tăng khi tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng tài sản tăng. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu trước đây của Ong Tza San và Teh Boon Heng<sup>37</sup> khi nghiên cứu về các NH thương mại của Malaysia. Mô hình cho thấy tương quan dương cao giữa tỷ lệ chi phí hoạt động đối với lợi nhuận và kết quả mô hình có độ tin cậy rất cao. Do đó, NH cần mở rộng quy mô hoạt động, bỏ ra nguồn chi phí để đầu tư, nâng cấp chất lượng dịch vụ và cơ sở vật chất nhưng cũng không quên kiểm soát chi phí, tận dụng các nguồn lực có sẵn để làm tăng lợi nhuận.

### KẾT LUẬN

Vấn đề lợi nhuận của các NH luôn là đề tài được xã hội quan tâm. Trải qua một thời gian khó khăn sau cuộc khủng hoảng kinh tế, phải đối mặt với nợ xấu, vấn đề thanh khoản, sáp nhập, cơ cấu lại bộ máy quản lý, hiện tình hình kinh doanh của các NH TMCP Việt Nam đã dần ổn định, theo đúng định hướng của NH Nhà nước. Tuy nhiên, lợi nhuận của các NH TMCP Việt Nam lại có sự khác biệt khá lớn. Để hiểu rõ nguyên nhân của sự khác biệt này, bài nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích định lượng thông qua mô hình hồi quy, lấy số liệu của 28 NH TMCP Việt

Nam và số liệu vĩ mô trong giai đoạn 2012 – 2019 để ước lượng sự tác động của một số yếu tố lợi nhuận của các NH TMCP Việt Nam. Trong đó, bài nghiên cứu chọn ROA làm biến phụ thuộc để đại diện cho lợi nhuận của các NH. Kết quả nghiên cứu cho thấy ở Việt Nam giai đoạn này các biến có tác động ngược chiều với ROA là đòn bẩy tài chính. Biến tác động cùng chiều: quy mô hoạt động NH và tỷ lệ chi phí hoạt động.

### DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

- AQ Chất lượng tài sản
- CRR Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng
- FEM Hiệu ứng tác động cố định
- GR Đòn bẩy tài chính
- LR Tỷ lệ thanh khoản
- LN Lợi nhuận
- NH Ngân hàng
- OER Tỷ lệ chi phí hoạt động
- REM Hiệu ứng tác động ngẫu nhiên
- ROA Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
- ROE Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
- SIZE Quy mô hoạt động ngân hàng
- TMCP Thương mại cổ phần

### TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo

### TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Tác giả Trần Thanh Tâm chịu trách nhiệm nội dung; tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết, phương pháp



ngiên cứu  
 Tác giả Lê Vũ Tường Vy chịu trách nhiệm nội dung:  
 kết quả nghiên cứu và thảo luận, kết luận

## PHỤ LỤC

Bảng 5

**Bảng 5: Danh sách các NH TMCP Việt Nam được khảo sát**

TÊN NH TMCP	TÊN NH TMCP
Công thương Việt Nam	Quốc dân
Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Sài Gòn
Ngoại Thương Việt Nam	Sài Gòn Công Thương
Á Châu	Sài Gòn – Hà Nội
An Bình	Sài Gòn Thương Tín
Bảo Việt	Tiền Phong
Bản Việt	Việt Á
Bắc Á	Việt Nam Thịnh Vượng
Bưu điện Liên Việt	Xăng dầu Petrolimex
Đồng Nam Á	Xuất Nhập Khẩu
Hàng Hải	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
Kiên Long	Phương Đông
Kỹ Thương	Quân Đội
Nam Á	Quốc Tế

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Kigen WK. The effect of firm size on profitability of insurance companies in Kenya [Unpublished MBA project]. Nairobi, Kenya: University of Nairobi. 2014;.
- Hương NQ. Mức độ tập trung sở hữu và lợi nhuận của các NH TMCP Việt Nam [Luận văn thạc sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. 2018;.
- Uyên NT. Nghiên cứu về tác động của thanh khoản đến khả năng sinh lời của các NH TMCP Việt Nam [Luận văn thạc sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. 2017;.
- Tâm DC. Tác động của cấu trúc vốn đến lợi nhuận của các NH thương mại Việt Nam [Luận văn thạc sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. 2018;.
- Chương TH. Tác động của thu nhập ngoài lãi đến lợi nhuận NH thương mại Việt Na [Luận văn thạc sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. 2019;.
- Hường NTT. Những yếu tố nội tại tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các NH TMCP niêm yết Việt Nam [Luận văn thạc sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. 2014;.
- Hà DTT. Phân tích các yếu tố tác động đến lợi nhuận của các NH thương mại Việt Nam [Luận văn thạc sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. 2018;.
- Liễu NT. Các yếu tố đặc điểm NH, đặc điểm ngành, kinh tế vĩ mô tác động đến lợi nhuận NH thương mại Việt Nam [Luận

văn thạc sĩ]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. 2018;.

- Iskenderoğlu et al. Türk Bankacılık Sektöründe Büyüme, Büyüklük ve Sermaye Yapısı Kararlarının Karlılığa Etkisinin Analizi, ESKİŞEHİR OSMANGAZİ ÜNİVERSİTESİ İİBF DERGİSİ, NİSAN. 2012;7(1):291-311.
- Isik O, Kosaroglu SM, Demirci A. The Impact of Size and Growth Decisions on Turkish Banks' Profitability, International Journal of Economics and Financial Issues. 2018;8(1):21-29.
- Gatete A. The effect of bank size on profitability of commercial banks in Kenya, school of business, university of Nairobi. 2015; Available from: <https://ssrn.com/abstract=1538810>.
- Flamini, Schumacher ML, McDonald MCA. The determinants of commercial bank profitability in Sub-Saharan Africa. International Monetary Fund. 2009; Available from: <https://doi.org/10.5089/9781451871623.001>.
- Mahmud K, Mallik A, Imtiaz MF, Tabassum DN. The Bank-Specific Factors Affecting the Profitability of Commercial Banks in Bangladesh: A Panel Data Analysis. International Journal of Managerial Studies and Research (IJMSR). 2016;4. Available from: <https://doi.org/10.20431/2349-0349.0407008>.
- Hoffmann S, Rodrigo P. Determinants of the Profitability of the US Banking Industry. International Journal of Business and Social Science. 2011;2(22).
- Naceur BS, Goaid M. The determinants of commercial bank interest margin . 2008;.
- Flamini V, McDonald C, Schumacher L. The Determinants of Commercial Bank Profitability in Sub-Saharan Africa. WP/09/15. [Online]. 2009; Available from: <https://doi.org/10.5089/9781451871623.001>.
- Sritharan V. Does firm size influence on firm's profitability? Evidence from listed firms of Sri Lankan Hotels and Travels sector. Research Journal of Finance and Accounting. 2015;.
- Omondi M. Factors Affecting the Financial Performance of Listed Companies at the Nairobi Securities Exchange in Kenya. Research Journal of Finance and Accounting. 2013;4(15). Available from: [www.iiste.org](http://www.iiste.org).
- Yuqi L. Determinants of Banks' Profitability and Its Implication on Risk Management Practices: Panel Evidence from the UK. The University of Nottingham. 2007;.
- Mule M, Nzioka. Corporate size, profitability and market value: an econometric panel analysis of listed firms in Kenya, European Scientific Journal May 2015 edition vol.11, No.13 ISSN: 1857 - 7881 (Print) e - ISSN 1857- 7431 [21]. Redmond, G. & Bonhnsa, C. Bank size and profitability: one nation, one bank. International of business research. 2007;8(1):201-224.
- Spathis. Detecting falsified financial statements: a comparative study using multicriteria analysis and multivariate statistical techniques, The European Accounting Review. 2002;11(3):509-535. Available from: <https://doi.org/10.1080/0963818022000000966>.
- Halkos GE, Salamouris DS. Efficiency measurement of the Greek commercial banks. 2004;.
- Bikker JA. Efficiency in the European banking Industry: an exploratory analysis. 1999;.
- Shepherd WG. The elements of market structure. The Review of Economics and Statistics. 1972;54(1):25-37. Available from: <https://doi.org/10.2307/1927492>.
- Darrat AT, Yousif T. Assessing cost and technical efficiency of banks in Kuwait. Paper presented at ERF's 8th annual conference, Cairo, Egypt. 2002;.
- Hassan MK, Bashir A. Determinants of Islamic Banking Profitability. Paper Presented at the Proceedings of the Economic Research Forum 10th Annual Conference, Marakesh-Morocco. 2003;.
- Haron S. Determinants of Islamic bank profitability. Global journal of finance and economic USA. 2004;.
- Niresh JA, Velnampy T. Firm size and profitability: a study of listed manufacturing firms in Sri Lanka. International journal of business and management. 2014; Available from: <https://doi.org/10.5539/ijbm.v9n4p57>.

29. Sufian F, Chong R. Determinants of Bank Profitability in a Developing Economy: Empirical Evidence from Philippines. *Asian Academy of Management Journal of Accounting and Finance*. [Online]. 2008;4(2):91–112. Available from: <http://www.usm.my/journal/aamjaf/vol%204-2-2008/4-2-5.pdf>.
30. Mathuva D. Capital Adequacy, Cost Income Ratio and the Performance of Commercial Banks: The Kenyan Scenario. *International Journal of Applied Economics and Finance* [Online]. 2009; Available from: <https://doi.org/10.3923/ijaef.2009.35.47>.
31. Beck T, Fuchs M. Structural Issues in the Kenyan Financial System: Improving Competition and Access. W/P 3363. [Online]. 2004; Available from: <http://siteresources.worldbank.org>.
32. McDonald FV, Schumacher L. The Determinants of Commercial Bank Profitability in Sub- Africa. WP/09/15. 2009; Available from: <https://doi.org/10.5089/9781451871623.001>.
33. Naceur S. The Determinants of the Tunisian Banking Industry Profitability: Panel Evidence. [Online]. 2003; Available from: [www.mafhoum.com/press6/174E11.Pdf](http://www.mafhoum.com/press6/174E11.Pdf).
34. Perera S, Skully M, Wickramanayake J. Department of Accounting and Finance, Monash University, Caulfield East, Vic., Australia, Cost Efficiency in South Asian Banking: The Impact of Bank Size, State Ownership and Stock Exchange Listings, *International Review of Finance*. 2007;7(1-2):35–60. Available from: <https://doi.org/10.1111/j.1468-2443.2007.00067.x>.
35. Misra AK, Das AK. Bank Scale Economies, Size and Efficiency: The Indian Experience, *Indian Banks Association Bulletin*. 2005;p. 145–149.
36. San OT, Heng TB. Factors affecting the profitability of Malaysian commercial banks, *African Journal of Business Manager*. 2013;7(8):649–660.
37. Tarawneh M. A comparison of financial performance in the Banking sector: Some evidence from omani commercial Banks. *International Research Journal of Finance and Economics*. 2006;3:101–112.
38. Boudriga T, Jellouli. Banking supervision and nonperforming loans: a cross-country analysis, *Journal of Financial Economic Policy*. 2009;1(4). Available from: <https://doi.org/10.1108/17576380911050043>.
39. Barnhill TM, et al. Measuring Integrated Market and Credit Risk in Bank Portfolios: An Application to a Set of Hypothetical Banks Operating in South Africa. *Financial Markets Institutions & Instruments*. 2002;11(5). Available from: <https://doi.org/10.1111/1468-0416.11502>.
40. Barnhill TM, et al. Measuring Integrated Market and Credit Risk in Bank Portfolios: An Application to a Set of Hypothetical Banks Operating in South Africa. *Financial Markets Institutions & Instruments*. 2002;11(5). Available from: <https://doi.org/10.1111/1468-0416.11502>.
41. Tobias Olweny and Themba Mamba Shipho. Effects of bankings sectoral factorial factors on the profitability of commercial banks in Kenya. *Economics and Finance Review*. 2011;p. 01 – 30. Available from: <http://www.businessjournalz.org/efr.13>.
42. Tabachnick BG, Fidell LS. *Using Multivariate Statistics*. Harper Collins College Publishers: New York 1996. Tabachnick and Fidell compare and contrast statistical packages, and can be used with a modicum of pain to understand SPSS result print-outs;.
43. Donald E. Farrar and Robert R. Glauber. Multicollinearity in Regression Analysis: The Problem Revisited, *The Review of Economics and Statistics*. 1967;49(1):92–107. Available from: <https://doi.org/10.2307/1937887>.
44. Gujarati D. *Basic Econometrics*. Fourth Edition. The Mc Graw-Hill Company. 2003;.
45. Hoechle D. Robust standard errors for panel regressions with cross-sectional dependence. *The Stata Journal*. 2007;7(3):281–312. Available from: <https://doi.org/10.1177/1536867X0700700301>.

# Effects of banking scale and operating expenses to profit of joint stock commercial banks in Vietnam

Tran Thanh Tam<sup>1,\*</sup>, Le Vu Tuong Vy<sup>2</sup>



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

The operation of the bank is an important economic activity, which has contributed significantly to the development of the national economy over the past years. Therefore, the efficiency in the business operations of joint stock commercial banks is a topic that needs to be addressed, as it directly affects the efficiency in providing capital to businesses, as well as the stability and development of the financial market. Determining the factors affecting the profitability of joint-stock commercial banks will help managers to operate the bank's operations more efficiently. The purpose of this paper is to examine whether the profitability of a joint stock commercial bank in Vietnam is affected by its size and operating costs. All parameter estimates of the regression model are based on regression analysis of the random effects table of REM. Data of the study included 28 joint stock commercial banks in Vietnam for the period of 2012-2019. Empirical research results show that the bank's profit is affected by financial leverage and more particularly, there exists a positive correlation of the bank size and the operating cost on the bank's profit. The fact that larger banks are more competitive has the ability to diversify their asset portfolios, focus on higher profit margins, and spend money to investment, upgrading of service quality and facilities lead to increased operating costs, thereby reducing risks and increasing profits.

**Key words:** operating costs, profits, profitability ratio on total assets, joint-stock commercial bank, bank size

<sup>1</sup>University of Financy and Accountance, Vietnam

<sup>2</sup>Quy Nhon University, Vietnam

## Correspondence

**Tran Thanh Tam**, University of Financy and Accountance, Vietnam

Email: tranthanhtam@tckt.edu.vn

## History

- Received: 8/12/2020
- Accepted: 29/4/2021
- Published: 08/5/2021

DOI : 10.32508/stdjelm.v5i2.733



## Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Cite this article :** Tam T T, Vy L V T. **Effects of banking scale and operating expenses to profit of joint stock commercial banks in Vietnam.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(2):1488-1498.